

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**Chuyên ngành: Địa lí tự nhiên**

## Khung chương trình đào tạo

| Số TT | Mã số học phần | Tên học phần                                | Số tín chỉ | Loại giờ tín chỉ |         |                       |                    |            | Mã số HP tiên quyết | Mã số HP học trước | Học kì dự kiến |
|-------|----------------|---------------------------------------------|------------|------------------|---------|-----------------------|--------------------|------------|---------------------|--------------------|----------------|
|       |                |                                             |            | Số giờ lên lớp   |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
|       |                |                                             |            | Lý thuyết        | Bài tập | Thực hành/ thí nghiệm | Thảo luận/ Seminar | Thực tế CM |                     |                    |                |
| I     |                | Kiến thức chung                             | 8          |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
| 1     | ENG651         | Tiếng Anh                                   | 5          | 45               | 40      | 30                    |                    |            |                     |                    |                |
| 2     | PHI631         | Triết học (khối tự nhiên)                   | 3          | 35               | 5       | 5                     | 10                 |            |                     |                    |                |
| II    |                | Kiến thức cơ sở và chuyên ngành             | 24         |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
|       |                | Khối kiến thức cơ sở                        | 15         |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
|       |                | Các học phần bắt buộc                       |            |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
| 1     | GEG641         | Địa lí đại cương                            | 4          | 40               | 12      | 20                    | 8                  |            |                     |                    |                |
| 2     | MSG631         | Phương pháp luận và phương pháp NCKH Địa lí | 3          | 30               | 10      | 10                    | 10                 |            |                     |                    |                |



| Số TT   | Mã số học phần | Tên học phần                                       | Số tín chỉ | Loại giờ tín chỉ |         |                       |                    |            | Mã số HP tiên quyết | Mã số HP học trước | Học kì dự kiến |
|---------|----------------|----------------------------------------------------|------------|------------------|---------|-----------------------|--------------------|------------|---------------------|--------------------|----------------|
|         |                |                                                    |            | Số giờ lên lớp   |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
|         |                |                                                    |            | Lý thuyết        | Bài tập | Thực hành/ thí nghiệm | Thảo luận/ Seminar | Thực tế CM |                     |                    |                |
| 1       | GNG621         | Địa lí tự nhiên tổng hợp                           | 2          | 25               | 4       |                       | 6                  |            |                     |                    |                |
| 2       | VBC621         | Sinh khí hậu Việt Nam                              | 2          | 25               | 3       |                       | 7                  |            |                     |                    |                |
| III     |                | Chuyên đề                                          | 15         |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
| I       | NGE631         | Biến đổi khí hậu toàn cầu và các giải pháp ứng phó | 3          | 20               |         | 50                    |                    |            |                     |                    |                |
| 2       | NGE632         | Đánh giá tác động môi trường và PT bền vững        | 3          | 20               |         | 50                    |                    |            |                     |                    |                |
| 3       | NGE633         | Địa chất môi trường                                | 3          | 15               |         | 30                    | 30                 |            |                     |                    |                |
| 4       | NGE634         | Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên            | 3          | 20               |         | 50                    |                    |            |                     |                    |                |
| 5       | NGE635         | Thủy văn ứng dụng                                  | 3          | 20               | 20      | 20                    | 10                 |            |                     |                    |                |
| IV      |                | Luận văn                                           | 13         |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |
| Tổng số |                |                                                    | 60         |                  |         |                       |                    |            |                     |                    |                |